UBND THÀNH PHỐ QUẢNG NINH
SỞ NỘI VỤ

Số: 4756/SNV-TCCB&BC

V/v hướng dẫn xây dựng, phê duyệt và điều chỉnh vị trí việc làm viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 232/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 07 tháng 9 năm 2026

Kính gửi:
- Các Sở, ban, ngành;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.

Thực hiện Nghị định số 232/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm viên chức; Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 22/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh (nay là Ủy ban nhân dân thành phố) về việc ủy quyền phê duyệt vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm và tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của thành phố Quảng Ninh; để thống nhất việc xây dựng, phê duyệt và quản lý vị trí việc làm viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, Sở Nội vụ hướng dẫn như sau:

1. Nguyên tắc xác định và quản lý vị trí việc làm

Việc xác định và quản lý vị trí việc làm phải tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định số 232/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị.

2. Về nội dung xây dựng vị trí việc làm

2.1. Về danh mục vị trí việc làm

Căn cứ Danh mục vị trí việc làm khung quy định tại Điều 6 Nghị định số 232/2026/NĐ-CP và trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức theo quy định của cấp có thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm xây dựng danh mục vị trí việc làm cụ thể gồm 03 nhóm: *(1)* Vị trí việc làm quản lý *(Phụ lục I kèm theo Nghị định số 232/2026/NĐ-CP)*; *(2)* Vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ *(Phụ lục II kèm theo Nghị định số 232/2026/NĐ-CP)*; *(3)* Vị trí việc làm hỗ trợ *(Phụ lục III kèm theo Nghị định số 232/2026/NĐ-CP)*.

Lưu ý: Không làm phát sinh vị trí việc làm ngoài danh mục vị trí việc làm khung; không thay đổi tên gọi, chia, tách hoặc gộp vị trí việc làm. Trường hợp một vị trí việc làm đồng thời được quy định tại Phụ lục II và Phụ lục III thì lựa chọn áp dụng phù hợp trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ chính, sản phẩm đầu ra,

yêu cầu về năng lực chuyên ngành và vai trò của vị trí trong quy trình thực hiện nhiệm vụ của đơn vị. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định riêng thì thực hiện theo pháp luật chuyên ngành.

2.2. Xác định bậc nghề nghiệp sử dụng của từng vị trí việc làm

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quy mô và mức độ phát triển của đơn vị, đơn vị sự nghiệp công lập xác định số bậc nghề nghiệp sử dụng đối với từng vị trí việc làm trong số các bậc nghề nghiệp đã được quy định cho vị trí việc làm đó tại Phụ lục II và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 232/2026/NĐ-CP. Bậc nghề nghiệp được xác định theo 5 bậc, từ bậc 1 đến bậc 5, trong đó bậc 1 là bậc thấp nhất và bậc 5 là bậc cao nhất theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 232/2026/NĐ-CP.

Lưu ý: Khi xác định bậc nghề nghiệp không được vượt quá số bậc nghề nghiệp đã được quy định cho vị trí việc làm đó tại Phụ lục II và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 232/2026/NĐ-CP; đồng thời, ghi cụ thể các bậc được áp dụng (ví dụ: bậc 2, bậc 3, bậc 4), không ghi theo khoảng "từ - đến", "tối thiểu - tối đa". Đối với các vị trí việc làm không xác định bậc nghề nghiệp theo Danh mục như Kế toán trưởng, Phụ trách kế toán không thực hiện xác định bậc nghề nghiệp. Đối với vị trí việc làm kiêm nhiệm thì xếp bậc theo vị trí việc làm chính.

2.3. Xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm

Trên cơ sở danh mục vị trí việc làm được xác định, cơ quan, đơn vị xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm theo quy định tại Điều 8, Phụ lục IV và Phần B Mẫu Bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm kèm theo Nghị định số 232/2026/NĐ-CP.

2.4. Xác định tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, đơn vị được quyết định tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp khác với tỷ lệ quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 232/2026/NĐ-CP, phù hợp với yêu cầu hoạt động và khả năng tài chính của đơn vị.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, xác định tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp của từng vị trí việc làm theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 232/2026/NĐ-CP.

Lưu ý: Viên chức được bố trí đảm nhiệm vị trí việc làm quản lý được xếp lương theo bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ hoặc vị trí việc làm hỗ trợ đang giữ. Do đó, tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm bao gồm viên chức quản lý và viên chức không giữ chức vụ quản lý. Đối với vị trí việc làm không xác định bậc nghề nghiệp hoặc chỉ xác định một bậc nghề nghiệp thì không thực hiện xác định tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp.

(Gửi kèm theo Phụ lục danh mục vị trí việc làm và tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm)

3. Về trình tự phê duyệt danh mục vị trí việc làm

Căn cứ khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 11 Nghị định số 232/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ; Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 22/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh (nay là Ủy ban nhân dân thành phố) về việc ủy quyền phê duyệt vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm và tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của thành phố Quảng Ninh, trình tự phê duyệt vị trí việc làm được thực hiện như sau:

3.1. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên

Bước 1: Đơn vị sự nghiệp công lập lập hồ sơ đề nghị phê duyệt vị trí việc làm của đơn vị mình.

Bước 2: Đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức thẩm định nội bộ (nếu có) và ban hành quyết định phê duyệt vị trí việc làm của đơn vị, báo cáo cấp trên quản lý trực tiếp.

3.2. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên

Bước 1: Đơn vị sự nghiệp công lập lập hồ sơ đề nghị phê duyệt vị trí việc làm của đơn vị mình gửi cơ quan, tổ chức tham mưu về tổ chức cán bộ của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền phê duyệt vị trí việc làm để rà soát, tổng hợp.

Bước 2: Cơ quan, tổ chức tham mưu về tổ chức cán bộ của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền phê duyệt vị trí việc làm có trách nhiệm thẩm định và trình cơ quan, đơn vị có thẩm quyền phê duyệt vị trí việc làm xem xét, quyết định: *(1)* Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ban, ngành trình Giám đốc các Sở, ban, ngành xem xét, quyết định; *(2)* Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND các xã, phường, đặc khu trình UBND cấp xã xem xét, quyết định

4. Về thành phần hồ sơ đề nghị phê duyệt vị trí việc làm và Quyết định phê duyệt vị trí việc làm

4.1. Hồ sơ đề nghị phê duyệt vị trí việc làm theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 232/2026/NĐ-CP, gồm:

- Văn bản đề nghị phê duyệt vị trí việc làm;

- Danh mục vị trí việc làm được sử dụng trong đơn vị sự nghiệp;

- Bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm;

- Các bậc nghề nghiệp được sử dụng trong từng vị trí việc làm;

- Tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp trong từng vị trí việc làm.

4.2. Quyết định phê duyệt vị trí việc làm theo quy định tại khoản 5 Điều 11 Nghị định số 232/2026/NĐ-CP, gồm:

- Danh mục vị trí việc làm được sử dụng;

- Các bậc nghề nghiệp được sử dụng trong từng vị trí việc làm;

- Tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp trong từng vị trí việc làm;

- Bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm.

5. Về việc điều chỉnh vị trí việc làm

Việc điều chỉnh vị trí việc làm thực hiện theo trình tự, thẩm quyền quy định tại Điều 11 và Điều 12 Nghị định số 232/2026/NĐ-CP và quy định phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

6. Thời gian thực hiện: Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu hoàn thiện hồ sơ phê duyệt vị trí việc làm theo quy định, báo cáo kết quả phê duyệt vị trí việc làm về Sở Nội vụ ***trước ngày 01/11/2026*** để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện và báo cáo theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND thành phố (báo cáo);
- Giám đốc sở (báo cáo);
- Phòng XDCQ, CCVC;
- Lưu: VT, TCCB&BC.

Ký bởi: Trần Thị Minh Trang

Hoàng Thị Thu Trang

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
THÀNH PHỐ QUẢNG NINH

Phạm Thị Thùy Hương

PHỤ LỤC
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ TỶ LỆ VIÊN CHỨC BỐ TRÍ THEO BẬC NGHỀ NGHIỆP CỦA VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA ….

(Gửi kèm theo Văn bản số 4756/SNV-TCCB&BC ngày 07/9/2026 của Sở Nội vụ)

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng biên chế viên chức được cấp có thẩm quyền giao theo VTVL	Bậc nghề nghiệp sử dụng	Tỷ lệ (%) viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp	Yêu cầu trình độ đào tạo của vị trí việc làm[1]	Ghi chú[2]
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
	Ví dụ: lĩnh vực y tế Bác sĩ được bố trí 10 biên chế viên chức (bao gồm viên chức quản lý và viên chức không giữ chức vụ quản lý); Điều dưỡng được bố trí 20 biên chế viên chức (bao gồm viên chức quản lý và viên chức không giữ chức vụ quản lý) thì biên chế, bậc nghề nghiệp sử dụng và tỷ lệ tương ứng bố trí như sau:					
1	Bác sĩ	3	Bậc 5	30%	Bác sĩ chuyên khoa cấp II hoặc tiến sĩ nhóm ngành y học (trừ chuyên ngành Y học dự phòng); bác sĩ chuyên khoa cấp II hoặc tiến sĩ ngành Răng - Hàm - Mặt	Trong đó: GĐ 01 người, PGĐ 02 người
		4	Bậc 4	40%	Bác sĩ chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ trở lên nhóm ngành Y	Trong đó: Trưởng khoa 01

[1] Xác định chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của pháp luật chuyên ngành (nếu có) hoặc pháp luật có liên quan phù hợp lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp hoặc nhóm hoạt động có tính chất, nội dung chuyên môn cơ bản giống nhau. Yêu cầu trình độ đào tạo của vị trí việc làm thống nhất theo Bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm.

[2] Đối với đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, cần ghi chú thêm số viên chức hưởng lương từ ngân sách và số viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp tương ứng với chức danh bố trí tại cột ghi chú.

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng biên chế viên chức được cấp có thẩm quyền giao theo VTVL	Bậc nghề nghiệp sử dụng	Tỷ lệ (%) viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp	Yêu cầu trình độ đào tạo của vị trí việc làm[1]	Ghi chú[2]
					học (trừ ngành y học dự phòng); bác sĩ chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ trở lên ngành Răng - Hàm - Mặt	01 người, …
		3	Bậc 3	30%	Bác sĩ nhóm ngành Y học (trừ ngành Y học dự phòng); bác sĩ ngành Răng - Hàm - Mặt.	Trong đó: Khoa:… người
2	Điều dưỡng	8	Bậc 4	40%	Chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ trở lên ngành Điều dưỡng	Trong đó: Trưởng phòng: … người; Phó trưởng phòng: ... người
		10	Bậc 3	50%	Đại học trở lên ngành Điều dưỡng	Trong đó: Khoa: … người; …
		2	Bậc 2	10%	Cao đẳng Điều dưỡng	Trong đó: Khoa: … người; …
3	Quản trị công sở	1	Bậc 3	Không xác định tỷ lệ	Đại học trở lên ngành/chuyên ngành: Quản trị văn phòng, Hành chính, Quản trị nhân lực, Luật, Kinh tế	VTVL xác định chỉ có duy nhất 01 bậc

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng biên chế viên chức được cấp có thẩm quyền giao theo VTVL	Bậc nghề nghiệp sử dụng	Tỷ lệ (%) viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp	Yêu cầu trình độ đào tạo của vị trí việc làm[1]	Ghi chú[2]
4	Hành chính - Tổng hợp	1	Bậc 4	50%	Đại học trở lên ngành/chuyên ngành: Luật, Hành chính, Quản lý nhà nước, Quản trị nhân lực, Văn thư - Lưu trữ, Quản trị văn phòng	Trường hợp vị trí việc làm chỉ xác định sử dụng 02 bậc nghề nghiệp thì tỷ lệ ở bậc cao hơn không vượt quá 50%; tỷ lệ ở bậc còn lại là tỷ lệ còn lại của vị trí việc làm
		1	Bậc 3	50%		
	Các VTVL còn lại xác định tương tự và đúng theo quy định tại Điều 10 NĐ 232 *(căn cứ theo số biên chế viên chức được cấp có thẩm quyền giao và đơn vị phân bổ lại theo từng VTVL đã xác định cho đơn vị mình).*					
	Tổng cộng	….				